TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 110/2022/HNGĐ-ST Ngày 27/12/2022 V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Vượng**.

2. Ông **Ma Quốc Thể**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Hữu Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V** – Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn H** – Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 19/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong lối sống và chuyện làm ăn kinh tế của gia đình. Chị V xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H ly hôn với nhau để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị V và anh H có hai con chung.

- Cháu Bùi Anh P – Sinh ngày: 10/12/2002.
- Cháu Bùi Thị Thùy D – Sinh ngày: 11/11/2007.

Sau khi ly hôn, chị V có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu P cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai và Biên bản làm việc, bị đơn Bùi Văn H có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 19/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra bất đồng quan điểm. Chị V đã tự ý bỏ nhà đi làm ăn và làm đơn ly hôn. Chị V có đơn xin ly hôn, anh H không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp chị V kiên quyết không về và vẫn đề nghị giải quyết ly hôn thì anh H nhất trí ly hôn với chị V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh H và chị V có hai con chung.

- Cháu Bùi Anh P – Sinh ngày: 10/12/2002.
- Cháu Bùi Thị Thùy D – Sinh ngày: 11/11/2007.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh H và chị V ly hôn, anh H có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và cháu D đến khi cháu P và cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Bùi Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa pH. Qua xác minh cho thấy, sau khi kết hôn, chị V và anh H chung sống với nhau tại thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình. Năm 2021, chị V từng làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn gửi đến Tòa án nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó mâu thuẫn không những không giảm mà còn ngày càng trầm trọng hơn. Chị V và anh H đã ly thân với nhau từ tháng 9/2022 đến nay. Chị V đã chuyển đi nơi khác làm ăn, sinh sống và không quay về địa pH.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, thực hiện đúng các quy định trong việc chấp hành pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của chị Nguyễn Thị V đối với anh Bùi Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn H ly hôn.

3. Về con chung:

- Giao cháu Bùi Thị Thùy D – Sinh ngày: 11/11/2007 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 27/12/2022.

- Giao cháu Bùi Anh P – Sinh ngày: 10/12/2002 cho anh Bùi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 27/12/2022.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị V khởi kiện về việc xin ly hôn với anh H và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Bùi Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn H xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện

kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 19/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc làm ăn kinh tế, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh H cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, vợ chồng ly thân với nhau nhưng chị V và anh H cũng không thể hòa giải, hàn gắn để quay về chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H cũng nhất trí ly hôn với chị V nếu chị V nhất quyết không về nhà và đề nghị giải quyết ly hôn. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị V và anh H có hai con chung.

- Cháu Bùi Anh P – Sinh ngày: 10/12/2002.
- Cháu Bùi Thị Thùy D – Sinh ngày: 11/11/2007.

Chị V có nguyện vọng sẽ nhận nuôi dưỡng cháu D và giao cháu P cho anh H nuôi dưỡng. Anh H có quan điểm muốn nhận nuôi dưỡng cả cháu P và cháu D.

HĐXX nhận thấy: Cháu P và cháu D đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Chị V và anh H có nơi cư trú rõ ràng; công việc, thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị V và anh H vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung ăn học đầy đủ nên đảm bảo được về thời gian, điều kiện sinh hoạt, học tập cho con. Quá trình nuôi con, chị V và anh H không vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của con. Cháu D có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ là chị V; cháu P có nguyện vọng muốn ở cùng bố là anh H.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, để ổn định cuộc sống, không làm xáo trộn môi trường sống và học tập của cháu P và cháu D, cần chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị V về việc nuôi con chung. Giao cháu P cho anh H và giao cháu D cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Căn cứ vào những nhận định, đánh giá, phân tích trên, HĐXX không chấp nhận quan điểm về việc nuôi con chung của anh H

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H không đề nghị chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, chị V và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của chị Nguyễn Thị V đối với anh Bùi Văn H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn H ly hôn.

3. Về con chung:

- Giao cháu Bùi Thị Thùy D – Sinh ngày: 11/11/2007 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 27/12/2022.

- Giao cháu Bùi Anh P – Sinh ngày: 10/12/2002 cho anh Bùi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 27/12/2022.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002292 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ tiền án phí*).

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V và anh Bùi Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Ủy ban nhân dân xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Cường